

Số: **3323** /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày **10** tháng **12** năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư Công trình tưới thử nghiệm  
vùng nguyên liệu dứa Đồng Giao, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008; số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009; 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư XDCT;

Căn cứ Quyết định số 2626/QĐ-BNN-TL ngày 17/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư Công trình tưới thử nghiệm vùng nguyên liệu dứa Đồng Giao, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-BQL-QL ngày 01/6/2010 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 phê duyệt bản vẽ thiết kế thi công dự án Công trình tưới thử nghiệm vùng nguyên liệu dứa Đồng Giao, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-BQL-TĐ ngày 08/6/2010 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 phê duyệt dự toán các gói thầu số 10, 11, 12, 14 và 15 thuộc dự án Công trình tưới thử nghiệm vùng nguyên liệu dứa Đồng Giao, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;

Xét Tờ trình số 856/TTr-BQL-TĐ ngày 07/10/2010 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 về việc thẩm định và phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư Công trình tưới thử nghiệm vùng nguyên liệu dứa Đồng Giao, tỉnh Ninh Bình, kèm theo hồ sơ của Dự án do Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông Biển - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam lập.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, kèm theo Báo cáo thẩm định số 181/BC-TCTL-XDCB ngày 03/12/2010 của Tổng cục Thủy lợi,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 2626/QĐ-BNN-TL ngày 17/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư Công trình tưới thử nghiệm vùng nguyên liệu dừa Đồng Giao, tỉnh Ninh Bình như sau:

**1. Khoản 9 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“9. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

**9.1. Công trình tưới****a) Trạm bơm cấp nguồn**

Xây dựng 06 nhà trạm bơm cấp nguồn vị trí gần các giếng khai thác nước ngầm, nước mặt để bơm nước tới các bể tập trung. Các thông số cơ bản của máy bơm cụ thể như bảng sau:

TT	Thiết bị	Lưu lượng Q (m <sup>3</sup> /h)	Cột nước H (m)	Số lượng
1	Máy bơm giếng chìm	31,9	33,9	01
2	Máy bơm giếng chìm	30,8	58,0	03
3	Máy bơm thả chìm	24,9	64,6	02

Kết cấu nhà trạm bơm: Khung cột BTCT M200, đế móng bản BTCT M200, tường xây gạch vữa xi măng M75, mái bằng BTCT M200.

Hệ thống đường ống dẫn nước thô từ các giếng khai thác nước ngầm, nước mặt tới các bể tập trung với tổng chiều dài 6.947m, loại HDPE, cụ thể như sau:

TT	Đường kính ống (mm)	Chiều dài (m)	TT	Đường kính ống (mm)	Chiều dài (m)
1	75	176	3	110	1.660
2	90	1.172	4	140	3.939

**b) Trạm bơm tưới và hệ thống tưới**

Nhà trạm bơm tưới: Gồm 05 tổ máy bơm trục ngang, lưu lượng mỗi máy  $Q_{1 \text{ máy}} = 90,3 \text{ m}^3/\text{h}$ ; cột nước bơm  $H = 85,6\text{m}$ ; kết cấu nhà trạm bằng gạch xây và BTCT.

Nhà quản lý: Nhà cấp IV, diện tích  $62\text{m}^2$ , kết cấu tường gạch xây vữa xi măng M75 và lợp tôn chống nóng.

Bể chứa nước: Gồm 04 bể, mỗi bể có dung tích  $500 \text{ m}^3$ , kết cấu BTCT.

Tường bao khu trạm bơm tưới: Kết cấu gạch xây vữa xi măng M75, có bố trí cổng ra vào.

Hệ thống đường ống tưới: Chủng loại HDPE, riêng đối với đoạn ống chờ đường kính  $\phi 21\text{mm}$  để lắp vòi phun dùng loại ống thép mạ kẽm, cụ thể như bảng sau:

TT	Đường kính ống (mm)	Chiều dài (m)	TT	Đường kính ống (mm)	Chiều dài (m)
1	21	7.556	6	63	16.048
2	25	183	7	75	1.888
3	32	1.144	8	90	270
4	40	13.427	9	160	7.201
5	50	42.676			

Lắp đặt 4.198 vòi tưới phun mưa, bán kính phun 13m, áp lực 3,4 bar.

Bộ điều khiển tưới tự động cho 48 van điện từ.

c) Hệ thống điện và trạm biến áp

Xây dựng, lắp đặt 03 trạm biến áp gồm: 01 trạm biến áp công suất 320kVA-10/0,4kV và 02 trạm biến áp công suất 50kVA-10/0,4kV; đường dây trung thế cấp nguồn cho trạm biến áp 320kVA-10/0,4kV; đường dây hạ thế cấp điện cho các trạm bơm khai thác và lắp đặt hệ thống điện điều khiển trạm bơm.

## 9.2. Công trình tiêu

a) Kênh tiêu chính: Chiều dài 3.247m (không gia cố), mặt cắt hình thang;  $B_{\text{đáy}} = 2,0\text{m}$ ; hệ số mái  $m = 1,5$ ; xây dựng 03 cầu cơ giới C1, C2 và C3.

b) Kênh tiêu nhánh: Gồm 16 tuyến kênh tiêu nhánh (không gia cố) với tổng chiều dài 5.600m; mặt cắt hình thang;  $B_{\text{đáy}} = 1,0\text{m}$ ; hệ số mái  $m = 1,5$ ; xây dựng 14 cống tiêu cho kênh nhánh.

## 2. Khoản 11 và Khoản 12 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“11. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư được duyệt theo mặt bằng giá quý II/2010 và các chế độ chính sách hiện hành là: 49.210.794.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ, hai trăm mười triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng)

- Chi phí xây dựng:	27.419.036.000 đ
- Chi phí thiết bị:	5.600.638.000 đ
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	3.843.178.000 đ
- Chi phí quản lý dự án:	587.150.000 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.518.615.000 đ
- Chi phí khác:	2.359.134.000 đ
- Chi phí dự phòng:	4.883.043.000 đ

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí trên thuộc nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.”

**3. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Điều 2. Phân giao nhiệm vụ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án.

2. Tổng cục Thủy lợi chủ trì thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

3. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành, bảo đảm phục vụ sản xuất trong quá trình xây dựng.

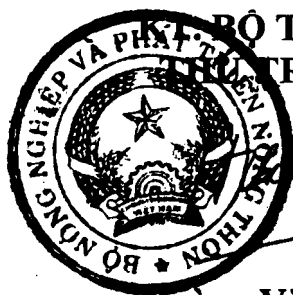
4. Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao phối hợp với Chủ đầu tư triển khai thực hiện Dự án, cử cán bộ tham gia Ban Quản lý dự án, tổ chức tiếp nhận công trình, quản lý khai thác công trình sau khi hoàn thành việc xây dựng, bảo đảm hiệu quả đầu tư.”

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Thủ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1, Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- UBND thị xã Tam Điệp;
- Sở NN&PTNT Ninh Bình;
- Kho bạc NN tỉnh Ninh Bình;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL.

**BỘ TRƯỞNG**  
**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



*Hoàng Văn Thắng*

**Hoàng Văn Thắng**

Phụ lục  
**TỔNG MỤC ĐỀ TÀI DỰ ÁN CHÍNH**

**Dự án: Công trình tưới thử nghiệm vùng nông nghiệp vùng Đầm Đong Giao, tỉnh Ninh Bình**

(Kèm theo Quyết định số 3883/QĐ-NĐ-PT ngày 10 / 12 /2010  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Chi phí sau thuế
[1]	[2]	[3]
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>27.419.036.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi phí xây dựng gói số 10 (QĐ số 683/QĐ-BQL ngày 05/8/10)</b>	<b>7.363.131.632</b>
1	Trạm bơm chính	644.700.887
2	Công, tường bao, hồ ga, sân đường	429.156.926
3	Trạm bơm khai thác nước mặt	95.162.682
4	Giếng nước ngầm	262.235.223
5	Nhà quản lý	397.314.980
6	Bể nước	2.979.959.688
7	Giếng khoan hoàn chỉnh	414.036.734
8	Đường ống nước thô	2.140.564.512
<b>1.2</b>	<b>Chi phí xây dựng gói số 12 (QĐ số 602/QĐ-BQL ngày 12/7/10)</b>	<b>2.237.768.928</b>
1	Trạm biến áp T1	633.701.057
2	Trạm biến áp T2	602.780.756
3	Trạm biến áp T3	966.770.131
4	Trạm biến áp T4	34.516.984
<b>1.3</b>	<b>Chi phí xây dựng gói số 13</b>	<b>2.827.314.000</b>
1	Kênh dẫn	1.915.149.000
2	Cầu C1 và C2	555.704.000
3	Cầu C3	356.461.000
<b>1.4</b>	<b>Chi phí xây dựng gói số 14 (QĐ số 694/QĐ-BQL ngày 09/8/10)</b>	<b>5.996.693.125</b>
<b>1.5</b>	<b>Chi phí xây dựng gói số 15 (QĐ số 682/QĐ-BQL ngày 05/8/10)</b>	<b>8.994.128.183</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>5.600.638.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Chi phí thiết bị gói số 11 (QĐ số 601/QĐ-BQL ngày 12/7/10)</b>	<b>4.524.737.768</b>
1	Trạm bơm tưới	3.556.958.195
2	Trạm bơm khai thác	967.779.573
<b>2.2</b>	<b>Chi phí thiết bị gói số 12 (QĐ số 602/QĐ-BQL ngày 12/7/10)</b>	<b>1.075.900.000</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CỬ (QĐ số 1342/QĐ-UBND ngày 30/7/10 của UBND TX. Tam Điệp)</b>	<b>3.843.178.000</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>587.150.000</b>
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>4.518.615.000</b>
1	Lập dự án đầu tư giai đoạn đầu (QĐ số 1480/QĐ-BNN-KH ngày 04/7/2008)	301.505.000

*DUM*

TT	Khoản mục chi phí	Chi phí sau thuế
[1]		[3]
2	Khảo sát, lập điều chỉnh bổ sung dự án	1.465.014.736
	- Lập dự án đầu tư (QĐ số 732/QĐ-BQL-TĐ ngày 10/4/09)	108.161.000
	- Chi phí khảo sát địa hình (QĐ số 367/QĐ-BQL-TĐ ngày 10/4/09)	211.802.000
	- Chi phí khảo sát địa hình bổ sung (QĐ số 1125/QĐ-BQL-TĐ ngày 30/11/09)	51.727.454
	- Chi phí khảo sát địa chất công trình và địa chất thủy văn (QĐ số 732/QĐ-BNN-TL ngày 10/4/09)	923.789.000
	- Chi phí khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn bổ sung (QĐ số 1125/QĐ-BNN-TL ngày 30/11/09)	169.535.282
3	Giai đoạn thực hiện đầu tư	1.940.893.476
	- Chi phí khảo sát địa hình (QĐ số 1072/QĐ-BQL ngày 09/11/09)	319.780.333
	- Chi phí khảo sát địa chất thủy văn (QĐ số 1072/QĐ-BQL ngày 09/11/09)	981.595.382
	- Chi phí thiết kế bản vẽ thi công (QĐ số 1072/QĐ-BQL ngày 09/11/09)	639.517.761
4	Chi phí lập điều chỉnh dự án đầu tư (giai đoạn TKBVTC)	38.371.066
5	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công (QĐ số 220/QĐ-BQL-TĐ ngày 26/3/10)	34.041.916
6	Thẩm tra dự toán công trình (QĐ số 220/QĐ-BQL-TĐ ngày 26/3/10)	32.912.654
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	60.047.689
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	12.265.397
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	494.913.597
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	32.147.661
11	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (QĐ 638/QĐ-BQL ngày 22/7/2009)	66.502.000
12	Chi phí thẩm tra dự án (tạm tính theo Quyết định số 224/QĐ-BNN-TL ngày 22/01/2009)	40.000.000
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>2.359.134.000</b>
1	Chi phí rà phá bom mìn (QĐ số 270/QĐ-BQL-TĐ ngày 12/4/10)	1.781.947.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	48.300.000
3	Chi phí kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	160.380.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình	246.987.162
5	Chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ (tạm tính)	100.000.000
6	Chi phí thẩm định điểm đấu điện (tạm tính)	15.000.000
7	Chi phí thẩm định dự án đầu tư và TKCS (QĐ số 2626/QĐ-BNN-TL ngày 17/9/2009)	6.519.984
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>4.883.043.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.210.794.000</b>

(Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, hai trăm mười triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng)

*DUL*